

# TÁC ĐỘNG CỦA GIÁO DỤC LÊN THU NHẬP Ở VIỆT NAM: TRƯỜNG HỢP TẠI ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

● LÊ CÔNG TÂM

## TÓM TẮT:

Bài viết này nghiên cứu các tác động của giáo dục lên thu nhập ở Việt Nam với trường hợp tại đồng bằng sông Cửu Long, từ đó chỉ ra những thay đổi trong tác động của giáo dục

đối với thu nhập,... góp phần giúp thu nhập của người nông dân được cải thiện hơn.

**Từ khóa:** Giáo dục, thu nhập, hộ gia đình, đồng bằng sông Cửu Long.

## 1. Đặt vấn đề

Theo Knight và Sabot (1990) khi nghiên cứu về sự bất bình đẳng trong thu nhập giữa các hộ gia đình đã chỉ ra rằng ở nông thôn có rất nhiều hộ gia đình sống trong điều kiện nghèo nàn chỉ do thu nhập thấp. Việt Nam được coi là một trong những quốc gia nghèo nhất thế giới, với mức thu nhập chỉ khoảng 1 USD mỗi người mỗi ngày và 20% dân số đang sống trong nghèo đói [2]. Do đó, cải thiện thu nhập rất quan trọng, đặc biệt là đối với các hộ nghèo hoặc cận nghèo để thoát khỏi tình trạng xấu hiện tại.

Mincer (1974) đã nêu những lợi ích của giáo dục chính thức đối với thu nhập cá nhân; Lucas (1998) đã chứng minh rằng giáo dục có lợi ích trong làng xã và giáo dục có thể mang lại lợi ích cho cả nước ở cấp quốc gia (Molin, 1970). Điều này có nghĩa là giáo dục có thể mang lại lợi ích cho mọi người từ cấp độ cá nhân, hộ gia đình, làng xã đến cấp quốc gia. Mối quan hệ tích cực giữa giáo dục của một công nhân với thu nhập và năng suất của anh ấy/cô ấy đã được chứng kiến ở nhiều quốc gia (Schultz, 1988).

Ở đồng bằng sông Cửu Long, mặc dù có tiềm

năng kinh tế cao cũng như có tốc độ tăng trưởng và phát triển kinh tế mạnh mẽ, đặc biệt là giảm nghèo và cải thiện giáo dục nhưng vẫn còn nhiều hộ gia đình đang sống dưới mức nghèo khổ. Vì vậy, bài viết nghiên cứu “Tác động của giáo dục lên thu nhập ở Việt Nam đối với trường hợp tại đồng bằng sông Cửu Long” để chỉ rõ những thay đổi trong giáo dục có tác động ra sao đối với thu nhập của người dân nơi đây.

## 2. Phạm vi và dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu khảo sát sự đa dạng hóa thu nhập và vai trò các hoạt động phi nông nghiệp của nông hộ tại 13 tỉnh thành thuộc khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Dữ liệu chính để tính toán được lấy từ cuộc Khảo sát mức sống dân cư (VHLSS) năm 2016 của Tổng cục Thống kê. Tổng số mẫu quan sát dự kiến lấy được là 851 quan sát.

Điều kiện để lựa chọn mẫu là các chủ hộ làm nghề nông nghiệp bao gồm: Trồng trọt, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Sau khi trích xuất và tính toán bằng phần mềm Stata, số quan sát dự kiến lấy từ 13 tỉnh thành được thể hiện theo Bảng 1.

**Bảng 1. Thiết kế mẫu của VHLSS năm 2016**

Tỉnh	Số quan sát dự kiến	Phần trăm trên tổng số quan sát (%)
Long An	62	7.29
Tiền Giang	89	10.46
Bến Tre	60	7.05
Trà Vinh	67	7.87
Vĩnh Long	42	4.94
Đồng Tháp	71	8.34
An Giang	79	9.28
Kiên Giang	75	8.81
Cần Thơ	47	5.52
Hậu Giang	66	7.76
Sóc Trăng	60	7.05
Bạc Liêu	57	6.70
Cà Mau	76	8.93
<b>Tổng</b>	<b>851</b>	<b>100</b>

**3. Cơ sở lý thuyết**

**3.1. Vai trò của giáo dục đối với năng suất lao động**

Một số nghiên cứu đã chứng minh trong các hoạt động nông nghiệp hiện đại thì vai trò của giáo dục cho nông dân là quan trọng hơn so với các hoạt động nông nghiệp truyền thống trước kia. Theo Weir (1994) chỉ ra rằng việc tăng tỷ lệ biết chữ và số có thể giúp nông dân tiếp thu, hiểu thông tin và tính toán số lượng đầu vào của sản xuất phù hợp trong môi trường hiện đại hóa. Đi học giúp mọi người học hỏi về công việc một cách hiệu quả (Rosenzweig, 1995).

Mellor (1976) đã chỉ ra rằng để cải thiện năng suất trong nông nghiệp, giáo dục nông dân là một thành phần quan trọng trong bất kỳ chiến lược và chính sách nào. Nhờ đó sẽ mang lại tổng thu nhập cao hơn của hộ gia đình từ sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là điều này tỷ lệ thuận với trình độ học vấn của chủ hộ.

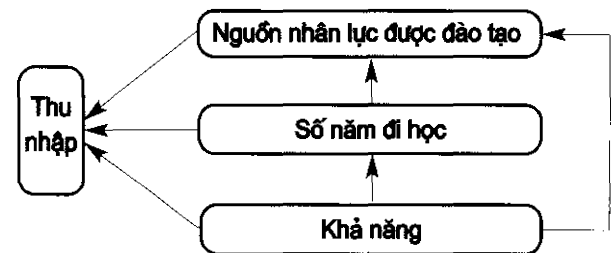
Theo Hussain and Byeilee, (1995), trình độ học vấn cao sẽ giúp nông dân áp dụng và sử dụng hiệu

quả kỹ thuật, phân bổ nguồn lực hiệu quả và tăng năng suất. Từ đó, giáo dục mang lại cả lợi ích tiền tệ và phi tiền tệ cho cá nhân và toàn xã hội.

**3.2. Môi quan hệ giữa giáo dục và thu nhập**

Knight and Sabot (1990) đã chỉ ra mối quan hệ giữa thu nhập và giáo dục thông qua sơ đồ sau:

**Sơ đồ: Thể hiện mối quan hệ số năm đi học và thu nhập**



Thông qua sơ đồ, chúng ta thấy thu nhập và số năm đi học có mối quan hệ đồng biến với nhau. Khi số năm đi học tăng thì thu nhập của nông hộ tăng.

**3.3. Giáo dục tác động đến nguồn nhân lực**

Theo Knight và Sabot (1987): Những người có số năm đi học cao sẽ có nhiều kỹ năng nhận thức tốt hơn những người khác, giúp họ tham gia vào thị trường lao động với hy vọng tiền lương được trả cao hơn.

Peter (1994) cũng cho rằng những người có học vấn có thể thành công trong cả công việc kinh doanh và tìm việc so với những người khác có ít hoặc không có học vấn.

Theo Gillis và cộng sự. (1996), giá trị hiện tại lợi ích ròng của giáo dục đại học là:

$$PVE = \sum_{t=0}^{m-1} \frac{E_t}{(1+r)^t} \tag{1}$$

Trong đó: PVE là giá trị hiện tại lợi ích ròng của giáo dục đại học;  $E_t$  là lợi ích mà một sinh viên tốt nghiệp đại học có thể nhận được, là thu nhập sau thuế của một sinh viên tốt nghiệp đại học so với thu nhập của một sinh viên tốt nghiệp trung học ở năm  $t$ ;  $m$  là số năm đi làm của một người đi làm sau khi tốt nghiệp đại học công với số năm đi học đại học;  $r$  là tỷ lệ chiết khấu.

**3.4. Lợi ích từ giáo dục mang lại**

Dựa vào các nghiên cứu của Chiswick and Becker (1966), Micer đã thành công trong việc xây dựng hàm thu nhập từ giáo dục:

$$\ln Y_i = \alpha + \beta_1 S_i + \gamma_1 EXP_i + \gamma_2 EXP_i^2 + \varepsilon_i$$

Trong đó:  $Y_i$  là thu nhập của thị trường lao động hàng tháng,  $S_i$  là số năm đi học của cá nhân  $i$ , và  $EXP_i$  và  $EXP_i^2$  là số năm kinh nghiệm và bình phương của nó. Trong đặc tả bán nhật ký này, hệ số  $\beta_1$  là tác động biên của số năm đi học lên thu nhập hàng tháng của người lao động.

Trong thời gian gần đây, phương pháp thu nhập của Mincerian đã được các nhà nghiên cứu trên thế giới thực hiện tại các nước phát triển, đang phát triển và nghèo, nhằm ước tính lợi nhuận cho giáo dục và đào tạo. Bởi vì phương pháp này đã cung cấp một số ưu điểm sau:

(1) Biến phụ thuộc ở dạng logarit, nên phương sai của phần dư sẽ ít sai lệch hơn và phân phối phần dư gần với phân phối chuẩn hơn.

(2) Phương pháp này là đơn giản và đòi hỏi ít dữ liệu hơn.

(3) Hàm thu nhập vốn con người có được một đặc tả có thể được ước tính bằng hồi quy. Phương pháp này rất linh hoạt bao gồm các biến như logarit của giờ làm việc mỗi tuần, giới tính, ngành.

#### 4. Các nghiên cứu trước đây

##### 4.1. Lợi ích giáo dục và việc làm trên thế giới

Jaminson và Cộng sự (1987) đã tiến hành nghiên cứu tại Trung Quốc cho thấy rằng số lượng thay đổi của năm học của chủ hộ có tác động đáng kể đến thu nhập hộ gia đình (ở mức 0,1 phần trăm) và nó có tác động dương đối với thu nhập. Điều này có nghĩa là khi chủ hộ học thêm 1 năm thì thu nhập của hộ gia đình tăng lên 0,1%.

Zafar và các đồng sự (1998) đã đánh giá tác động của vốn con người đối với thu nhập hộ gia đình ở nông thôn Pakistan năm 1998. Kết quả cho thấy trình độ học vấn giúp tăng thu nhập hộ gia đình, thêm 1 năm học ở nam giới trưởng thành dẫn đến tăng thu nhập hộ gia đình lên 4,5%.

Bên cạnh đó, Van der Gaag và Vijverberg (1989) cũng sử dụng tập trung nghiên cứu vào sự khác biệt của khu vực công - tư. Khi sử dụng dữ liệu từ cuộc khảo sát gần đây tại Cote d'Ivoire, nơi có 41% tất cả những người làm công ăn lương làm việc trong khu vực công. Gaag và Vijverberg chỉ ra rằng những năm đi học tiểu học không có hiệu quả trong cả 2 khu vực. Năm học cơ sở thì mang lại hiệu quả trong khu vực công (tỷ lệ lợi nhuận mang lại 19%), nhưng lại không mang lại hiệu quả trong khu vực tư nhân. Đào tạo đại học có giá trị trong cả 2 lĩnh vực, nhưng đào tạo kỹ

thuật chỉ trả cho khu vực tư nhân với tỷ lệ lợi nhuận 10%.

##### 4.2. Các nghiên cứu ở Việt Nam về tác động của giáo dục lên thu nhập

Theo nghiên cứu của Quyên và cộng sự (2001), chỉ ra rằng việc đi học nhiều năm hơn đóng góp vào mức lương cao hơn và ảnh hưởng của bằng tốt nghiệp đối với thu nhập là rất đáng kể. Tuy nhiên, đặc điểm thú vị của mối quan hệ tiền lương và giáo dục là chúng không tuyến tính, những năm học của giáo dục tiểu học nhiều hơn dường như không giúp ích gì nhiều nhưng giáo dục đại học tăng lương đáng kể.

Trong nghiên cứu Van der Walle và Gunewardena (2001) về các nguồn bất bình đẳng dân tộc ở Việt Nam, chỉ tiêu hộ gia đình có mối quan hệ với các đặc điểm cá nhân (trong đó bao gồm một số biến giáo dục như số năm đi học, bằng cấp...) tuân thủ theo hàm logarit. Kết quả cho thấy, giáo dục có tác động tích cực và có ý nghĩa quan trọng đối với việc kiểm tra cho các nhóm dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam (kể cả dân tộc thiểu số).

Theo nghiên cứu của World Bank (1996) và Moock et al (1998) trong mối quan hệ giữa giáo dục và thu nhập ở Việt Nam. Những nghiên cứu này cho thấy sự chênh lệch về tỷ lệ lợi nhuận mang lại của giáo dục giữa nam và nữ, giữa người lao động trong khu vực công và tư nhân, giữa các khu vực và giữa công nhân trẻ và có kinh nghiệm.

Nghiên cứu mối quan hệ giữa giáo dục và thu nhập ở Việt Nam của Ngân hàng Thế giới (1996) và Moock et al (1998). Kết quả ước tính theo phương pháp Mincerian với VLSS (1992 - 1993), tỷ lệ lợi nhuận ước tính cho Việt Nam vẫn còn thấp so với lợi nhuận cho giáo dục ước tính cho các nước đang phát triển khác. Quay trở lại 1 năm học thêm, lợi nhuận trung bình là 5%, trong khi lợi nhuận tư nhân cho giáo dục tiểu học đạt 13%/năm, cho giáo dục đại học là 11%/năm. Giáo dục trung học và dạy nghề kiếm được lợi nhuận thấp hơn từ 4 - 5%/năm.

##### 5. Phân tích tác động của giáo dục lên thu nhập tại đồng bằng sông Cửu Long

###### 5.1. Mô tả và cách đo lường các biến trong mô hình

\* *Biến phụ thuộc - Logarit của thu nhập hàng tháng (LnEam):* Biến thu nhập là quan trọng nhất trong các nghiên cứu vì nghiên cứu sẽ tìm thấy yếu

to quyết định cho giáo dục về thu nhập. Do đó, biến phụ thuộc là Earning. Chiswick chỉ ra thu nhập cá nhân là cần chuyển đổi thành dạng logarit. Vì thế, chúng ta có thể kiểm tra tính co giãn của giáo dục đối với thu nhập.

Trong các khảo sát, thu nhập được tính bằng đồng Việt Nam theo các đơn vị thời gian khác nhau. Vì vậy, để thống nhất, thu nhập cần được chuyển đổi thành thu nhập hàng tháng dựa trên số giờ làm việc được báo cáo mỗi ngày hoặc số ngày làm việc mỗi tháng. Thu nhập hàng tháng là tổng số tiền lương hoặc tiền lương bao gồm giá trị bằng tiền mặt hoặc thanh toán bằng hiện vật, cộng với các khoản thu nhập khác như tiền thưởng, phụ cấp làm thêm giờ hoặc ca đêm, trách nhiệm cao hoặc thù lao thâm niên. Thu nhập hàng tháng không bao gồm đóng góp cho lương hưu, bảo hiểm y tế.

\* *Biến độc lập - Năm đi học (Yr\_sch)*: Năm đi học là số năm học của một cá nhân hoàn thành. Điều đó có nghĩa là những năm học bao gồm những năm học phổ thông/học thuật hoàn thành công việc với những năm học ở trường dạy nghề hoặc đại học hoặc cao hơn nếu có. Trong trường hợp số tháng đi học cũng được báo cáo, chúng sẽ được chia cho 12 và làm tròn thành 1 năm.

Các cấp học được định nghĩa bao gồm 4 cấp: Tiểu học, trung học, trung học, cao đẳng - đại học - hoặc trình độ giáo dục đại học.

\* *Biến độc lập - Đào tạo nghề (Voca)*: Đây cũng là một biến giả. Voca nên lấy giá trị bằng 1 nếu cá nhân đã được đào tạo nghề hoặc kỹ thuật sau bất kỳ cấp độ hoặc cấp học phổ thông/học thuật nào.

Từ các cuộc thảo luận ở trên, hiệu quả của đào tạo nghề đối với việc kiếm tiền là tích cực với việc đào tạo nghề hoặc kỹ thuật sau khi bất kỳ cấp độ hoặc cấp học phổ thông/học thuật nào có thể có thu nhập cao hơn.

\* *Biến độc lập - Nhiều năm kinh nghiệm (Exp)*: Số năm kinh nghiệm làm việc là tổng số kinh nghiệm tiềm năng khi tuổi trừ đi số năm đi học (bao gồm đào tạo nghề/kỹ thuật) trừ đi (tuổi vào trường) (Schultz (1988); Mincer (1974); Elizabeth (1990)). Ở Việt Nam, tuổi đến lớp một theo luật là 6. Do đó, chúng ta có thể lấy được [exper = age - Yearsch - 6.] Nếu exper là âm, giá trị 0 sẽ được gán.

\* *Biến độc lập - Bình phương của nhiều năm kinh nghiệm (Exp\_sqr)*: Hình thức bậc hai của

nhiều năm kinh nghiệm như trong mô hình ban đầu do Mincer (1974) phát triển để đáp ứng tỷ lệ đầu tư nhân lực đào tạo tại chỗ của công nhân sau khi học xong. Lập luận là thu nhập tăng nhanh trong vài năm đầu tiên của cuộc đời làm việc, nhưng tốc độ tăng trưởng rơi vào giữa sự nghiệp và có xu hướng chuyển sang tiêu cực về hưu.

\* *Biến độc lập - Giờ làm việc đăng nhập tự nhiên (Lnwkhour)*: Số giờ làm việc được báo cáo bởi người làm công ăn lương trong công việc chính của anh ấy/cô ấy. Chúng tôi tiêu chuẩn hóa đơn vị của biến này theo số giờ mỗi ngày. Nó nên được tính là sản phẩm của số giờ làm việc mỗi ngày nhân với số ngày làm việc mỗi tháng.

\* *Biến độc lập - Hiệu ứng giới tính (Giới tính)*: Đối với nhiều quốc gia ở châu Á, hầu hết các bậc cha mẹ trong gia đình đều muốn con trai đi học hơn con gái. Các cô con gái sẽ làm hộ gia đình và làm việc ở nông trại. Do đó, giới là một biến giả. Giới tính bằng 1 nếu nam và bằng 0 nếu nữ. Do đó, nam được dự kiến sẽ có tác động mạnh hơn đến thu nhập so với nữ.

\* *Biến độc lập - Hiệu ứng vị trí nông thôn/thành thị (Vùng)*: Vùng được sử dụng để đại diện cho khu vực sinh sống để quan sát. Tác giả hy vọng rằng có một mối quan hệ mạnh mẽ giữa giáo dục và thu nhập. Đó là một biến giả, nó lấy độ thu bằng 1 nếu cá thể cư trú ở thành thị và bằng 0 nếu ở nông thôn.

\* *Biến độc lập - Hiệu quả khu vực kinh tế (ngành)*: Sẽ bằng 1 nếu khu vực công và bằng 0 nếu khu vực tư nhân. Khu vực công là biến giả cho các đại lý, công ty hoặc doanh nghiệp thuộc sở hữu của khu vực nhà nước và mặt khác thuộc về khu vực tư nhân.

\* *Biến độc lập - Kích thước đất canh tác (Ld\_size)*: Norton (1993) nói rằng số lượng đất canh tác lớn hơn sẽ giúp tăng thu nhập cho trang trại. Hơn nữa, đất đai rõ ràng là quan trọng nhất, là tài sản tư nhiên của các hộ gia đình nông thôn cộng đồng (Ngân hàng Thế giới, 1999). Do đó, với diện tích lớn hơn sẽ có được thu nhập nông nghiệp nhiều hơn trong thu nhập cá nhân và hộ gia đình từ sản lượng của họ, và quy mô đất đai có thể giúp họ vượt qua thất nghiệp và có được thu nhập trong sản xuất nông nghiệp. Vì vậy, tác giả kỳ vọng rằng quy mô đất canh tác có ảnh hưởng tích cực đến thu nhập.

### 5.2. Mô hình áp dụng

Sử dụng mô hình Mincerian cơ bản bao gồm các biến như năm học, kinh nghiệm, giờ làm việc, đào tạo nghề, giới, ngành kinh tế, khu vực để xác định sự tác động của giáo dục vào mô hình:

$$\begin{aligned} \ln Earn_i = & \alpha + \beta_1 Yr\_schi + \beta_2 Expi \\ & + \beta_3 Exp\_sqri + \beta_3 Lnwkhour_i \\ & + \lambda_1 Gender_i + \lambda_2 Sector_i + \lambda_3 Region_i \\ & + \lambda_4 Vocq_i + \lambda_5 Ld\_size_i + u_i \end{aligned}$$

Trong đó: Earn là thu nhập hàng tháng (ĐVT: 1.000/người); Yr\_sch là số năm đi học; Exp là kinh nghiệm (ĐVT: năm); Lnwkhour là log số giờ làm việc hàng tháng (ĐVT: Tháng); Gender là giới tính với qui định 1 là giới tính nam và 0 là giới tính nữ; Sector là khu vực làm việc với qui định 1 là khu vực công và 0 là người lai; Region là khu vực sinh sống với qui định 1 là khu vực thành thị và 0 là khu vực phi thành thị; Vocq là cơ hội tái đào tạo với qui định 1 là có cơ hội và 0 là không có cơ hội; Ld\_size là diện tích đất canh tác (ĐVT: 1.000m<sup>2</sup>).

### 6. Ý nghĩa và hạn chế của nghiên cứu

#### 6.1. Ý nghĩa

Nghiên cứu cho thấy cái nhìn tổng quan về tác động của giáo dục lên thu nhập tại vùng ĐBSCL và các nhân tố tác động.

Những nghiên cứu trước chưa nghiên cứu về tác

động của đa dạng hóa đến thu nhập của nông hộ và các chính sách xã hội, vì vậy nghiên cứu này sẽ tập trung vào vấn đề này.

Dựa vào kết quả của nghiên cứu, đề xuất cho chính quyền các cấp một số biện pháp trong việc phát triển giáo dục nhằm tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long nhằm góp phần hỗ trợ công tác xóa đói giảm nghèo.

#### 6.2. Hạn chế

Sử dụng lại bộ dữ liệu VHLSS năm 2016 nên chưa phản ánh chính xác tác động của giáo dục đến nông hộ tại đồng bằng sông Cửu Long.

Một số biến phi kinh tế ít được đề cập trong nghiên cứu này như là biến tôn giáo...

#### 6.3. Hướng mở rộng

Để đánh giá tình trạng tác động của giáo dục lên thu nhập cần xem xét thêm nhiều nhân tố phi nông nghiệp cũng như các nhân tố về sức khỏe, tôn giáo, cộng đồng... cũng như các chính sách của Nhà nước, từ đó chúng ta có cái nhìn khách quan hơn về thực trạng giáo dục, cũng như việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Ngoài ra, cần xem xét một cách trung thực vai trò của giáo dục trong công tác xóa đói giảm nghèo, cần sử dụng dữ liệu khảo sát thực tế (dữ liệu sơ cấp) ■

### TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Foster A, Rosenzweig M (1996), "Technical change and human - capital returns and investments: Evidence from the green revolution", *American Economic Review*, 86(4), pp 931 - 953
2. General Statistics Office (2005). "Vietnam living standards survey 2003 - 2004". Hanoi, General Statistics Office, Statistical Publishing House.
3. Jaminson, D. T and van der Gaag, J (1987). "Education and earnings in the people's Republic of China". *Economic of Education Review*, Vol 6, No 2, Pages 161 - 166.
4. Mincer and Jacob (1974). "School, Experience and Earnings in New York". *National Bureau Of Economic Research*
5. Moock, P.R., H.A. Patrios and M. Venkataraman (1998). "Education and Earning in a transition economy". *The case of Vietnam*.
6. Peter B. Robinson (1994). "Effect of education and experience on self-employment success". *Journal of Business Venturing*.

7. Qiyen, Bui Thai and Cao Nhu Nguyet, Nguyen Thi Kim Dung, Tran Bich Phuong (2001). "Education and income in living standards during an economics boom The case of Vietnam". Dominique Haughton, Jonathan Haughton And Nguyen Phong (Eds). Statistical Publishing House, Hanoi.
8. Zafar Mueen Nasir and Hina Nazki (1998) *Education and Earning in Pakistan*
- 9 Van der Walle và Gunewardena (2001) *Sources of Ethnic Inequality in Vietnam.*
10. World Bank (2000 - 2006). *World Development Indicators.*

Ngày nhận bài: 7/4/2019

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 17/4/2019

Ngày chấp nhận đăng bài: 27/4/2019

Thông tin tác giả:

ThS. LÊ CÔNG TÂM

Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh

## THE IMPACT OF EDUCATION ON INCOME IN VIETNAM: CASE STUDY IN MEKONG DELTA

● Master. **LE CONG TAM**

Ho Chi Minh City Open University

### ABSTRACT:

This study examines the impact of education on income in Vietnam with the case study in the Mekong Delta in order to identify education factors which have impact on the income. This study is expected to help farmers improve their income.

**Keywords:** Education, income, household, Mekong Delta.